

Số: 49 /KL-TTr

Hòa Bình, ngày 10 tháng 02 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc; thanh tra trách nhiệm của Giám đốc Sở Y tế trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2022-2023

Thực hiện Quyết định số 112/QĐ-TTr ngày 02/4/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh Hoà Bình về Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc; thanh tra trách nhiệm của Giám đốc Sở Y tế trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2022-2023; Quyết định số 115/QĐ-TTr ngày 09/4/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc tạm dừng thời gian thanh tra; Quyết định số 187/QĐ-TTr ngày 20/6/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc tạm dừng thời gian thanh tra. Từ ngày 04/4/2024 đến ngày 07/8/2024, Thanh tra tỉnh đã tiến hành thanh tra đối với Sở Y tế và 12 đơn vị trực thuộc, gồm: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Y học cổ truyền; Trung tâm Y tế các huyện, thành phố: Hòa Bình, Tân Lạc, Lạc Sơn, Mai Châu, Kim Bôi, Lạc Thủy, Đà Bắc, Lương Sơn.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trường đoàn thanh tra; Báo cáo thẩm định số: 02/BC-PGS,TD ngày 10/02/2025 của Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra tỉnh Hòa Bình kết luận như sau:

Phần thứ nhất

KHÁI QUÁT CHUNG

Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước về y tế, gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y, dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số và các dịch vụ công thuộc ngành y tế theo quy định của pháp luật (Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Hoà Bình ban hành qui định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Hòa Bình).

Sở Y tế chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND tỉnh Hòa Bình, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế. Sở Y tế có 05 phòng: Thanh tra, Tổ chức - Hành chính, Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Kế hoạch - Tài chính. Sở có 19 đơn vị trực thuộc: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y học cổ truyền, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, Trường Trung cấp Y tế, Trung tâm Pháp y, Trung tâm Giám định Y khoa và 10 Trung tâm Y tế huyện,

thành phố.

Phần thứ hai **KẾT QUẢ THANH TRA**

I. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn nghiệp vụ trong việc tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện giải quyết thủ tục hành chính

1. Việc cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

Trong 2 năm, Sở Y tế tiếp nhận tổng số 787 hồ sơ, trong đó:

- Năm 2022: 341 hồ sơ, kết quả giải quyết: 02 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 334 hồ sơ giải quyết trước hạn, 05 hồ sơ chuyển sang kỳ sau (đang trong hạn giải quyết).

- Năm 2023: 446 hồ sơ, kết quả giải quyết: 10 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 417 hồ sơ giải quyết trước hạn, 19 hồ sơ chuyển sang kỳ sau (đang trong hạn giải quyết).

2. Việc thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực Dược, mỹ phẩm.

Trong 2 năm, Sở Y tế tiếp nhận tổng số 1.176 hồ sơ, trong đó:

- Năm 2022: 620 hồ sơ, kết quả giải quyết: 06 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 614 hồ sơ giải quyết trước hạn.

- Năm 2023: 556 hồ sơ, kết quả giải quyết: 08 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 548 hồ sơ giải quyết trước hạn.

Qua kiểm tra cho thấy: Sở Y tế đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, nhiều hồ sơ được giải quyết trước hạn; đã thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và đề xuất phương án đơn giản hóa; thực hiện công khai đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định. Trong 02 năm, Sở Y tế không nhận được phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực giải quyết hành chính.

Kiểm tra 10/620 hồ sơ năm 2022, 10/536 hồ sơ năm 2023 lĩnh vực dược, mỹ phẩm; 10/341 hồ sơ năm 2022, 11/446 hồ sơ năm 2023 lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh cho thấy: Việc cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; chứng chỉ hành nghề dược, giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dược được thực hiện đúng quy định, hồ sơ đầy đủ về thành phần và nội dung theo quy định; thời gian giải quyết đúng quy định. *(có biểu số 01 đính kèm)*

II. Việc quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, đầu tư xây dựng, mua sắm công và quản lý các nguồn kinh phí khác

Sở Y tế đã thanh tra về công tác quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách năm 2022 của Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc (Kết luận thanh tra số 2306/KL-TTra ngày 14/7/2023), Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn (Kết luận thanh tra số 19/KL-TTra ngày 27/11/2023 của Chánh Thanh tra Sở Y tế); do đó, Thanh tra tỉnh chỉ tiến hành thanh tra việc quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách trong năm 2023 của hai đơn vị trên.

1. Kết quả đạt được

1.1. Việc quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, đầu tư xây dựng, mua sắm công và quản lý các nguồn kinh phí khác của Sở Y tế và 12 đơn vị trực thuộc (đối với Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn và Đà Bắc thanh tra năm 2023)

1.1.1. Năm 2022 (số liệu đã quyết toán):

a) Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp:

- Số dư năm trước chuyển sang:	21.991.143.500đ
- Tổng kinh phí được giao trong năm:	313.821.712.258đ
- Kinh phí bị hủy:	3.496.301.840đ
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm:	332.316.553.918đ
- Tổng kinh phí đã chi trong năm:	331.214.967.345đ
- Tổng kinh phí không chi hết chuyển sang năm sau:	1.101.586.573đ

b) Nguồn thu phí, lệ phí và nguồn thu sự nghiệp:

- Tổng thu trong năm:	579.651.076.336đ (i)
- Tổng chi trong năm:	550.028.778.607đ (ii)

- Chênh lệch thu - chi (i-ii): 29.622.297.729đ. Trong đó:

+ Trích lập tỷ lệ phần trăm kinh phí để lại chi cải cách tiền lương:
8.841.177.887đ

+ Trích lập các quỹ: 20.781.119.842đ.

c) Nguồn cải cách tiền lương:

- Số dư năm trước chuyển sang:	27.968.808.773đ.
- Trích tỷ lệ phần trăm kinh phí để lại để chi cải cách tiền lương:	

8.841.177.887đ.

- Tổng chi trong năm: 1.049.215.725đ

- Tổng số dư chuyển sang năm sau: 35.760.770.935đ.

1.1.2. Năm 2023 (số liệu đã quyết toán):

a) Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp:

- Số dư năm trước chuyển sang:	4.964.582.522đ
- Tổng kinh phí được giao trong năm:	362.574.784.493đ
- Kinh phí bị hủy:	12.400.310.614đ
- Kinh phí phải nộp NSNN:	16.000.000đ
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm:	355.123.056.401đ
- Tổng kinh phí đã chi trong năm:	346.378.329.160đ
- Tổng kinh phí không chi hết chuyển sang năm sau:	8.744.727.241đ

b) Nguồn thu phí, lệ phí và nguồn thu sự nghiệp:

- Tổng thu trong năm:	664.908.295.773đ (i)
- Tổng chi trong năm:	589.452.515.701đ (ii)

- Chênh lệch thu - chi (i-ii): 75.455.780.072đ. Trong đó:

+ Trích lập tỷ lệ phần trăm kinh phí để lại chi cải cách tiền lương:
16.090.622.300đ

+ Trích lập các quỹ: 59.365.157.772đ.

c) Nguồn cải cách tiền lương:

- Số dư năm trước chuyển sang: 41.577.938.110đ

- Trích tỷ lệ phần trăm kinh phí để lại để chi cải cách tiền lương:

16.090.622.300đ.

- Tổng chi trong năm: 23.297.160.423đ

- Tổng số dư chuyển sang năm sau: 34.371.399.987đ.

(có biểu số 02a, 02b đính kèm)

Qua thanh tra cho thấy:

- Đối với công tác lập, giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước, xét duyệt quyết toán của Sở Y tế:

Sở Y tế đã căn cứ Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách của UBND tỉnh thực hiện việc lập, giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị trực thuộc cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Việc phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã đáp ứng được nhiệm vụ chi công tác chuyên môn của toàn ngành.

Sở Y tế đã tham mưu cho UBND tỉnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở. Công tác xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Sở Y tế đã thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định. Sau khi kiểm tra xét duyệt quyết toán đã ra thông báo duyệt quyết toán cho các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán.

- Đối với việc quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách của Sở Y tế và 12 đơn vị trực thuộc:

Sở Y tế và 12 đơn vị trực thuộc đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo quy định.

Về cơ bản Sở Y tế và 12 đơn vị trực thuộc đã quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách của đơn vị đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc sử dụng cơ bản đúng nội dung, mục đích, chính sách, chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Các đơn vị thu các nguồn phí, lệ phí và các khoản thu khác đã thực hiện nộp, thu - chi qua Kho bạc Nhà nước, trích tỷ lệ phần trăm nguồn phí, lệ phí và thực hiện nộp thuế vào ngân sách Nhà nước.

Việc chi trả các chế độ tiền lương, phụ cấp lương và các chế độ khác đối với công chức, viên chức, người lao động; chi cho nhiệm vụ chuyên môn cơ bản đảm bảo kịp thời theo quy định.

Các đơn vị đã thực hiện mở sổ kế toán, thiết lập chứng từ thu, chi theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; thực hiện báo cáo quyết toán, cập nhật, lưu trữ hồ sơ, chứng từ thực hiện theo quy định.

1.2. Kết quả kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong việc đấu thầu mua sắm trang thiết bị, thuốc, hóa chất, vật tư y tế của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

1.2.1. Việc chấp hành chính sách, pháp luật trong việc đấu thầu mua sắm trang thiết bị, thuốc, hóa chất, vật tư y tế tại Sở Y tế

Trong thời kỳ thanh tra, Sở Y tế tổ chức mua sắm 09 gói thầu mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư y tế, sinh phẩm, chẩn đoán INVITRO và trang thiết bị y tế. Thanh tra tinh tiến hành kiểm tra xác suất 03/9 gói thầu (chỉ kiểm tra trình tự, thủ tục gói thầu không kiểm tra, xác minh về giá, chất lượng gói thầu; không kiểm tra hồ sơ đấu thầu trên mạng và không kiểm tra, xác minh năng lực nhà thầu). Kết quả kiểm tra 03 gói thầu: Gói thầu mua thuốc Generic; Mua sắm thiết bị chẩn đoán hình ảnh; Mua sắm thiết bị khám và thiết bị y tế khác như sau:

(có biểu số 03,04 đính kèm)

a) Đối với gói thầu mua thuốc Generic

Căn cứ danh mục khung do UBND tỉnh ban hành, Sở Y tế đã có văn bản hướng dẫn các cơ sở y tế công lập trên địa bàn dự kiến nhu cầu sử dụng thuốc của đơn vị để lập dự trù gửi Sở Y tế tổng hợp; Trên cơ sở dự kiến nhu cầu sử dụng thuốc của các đơn vị, Sở Y tế tổ chức mua sắm tập trung xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Sở Y tế đã thực hiện công tác đấu thầu theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu. Cụ thể:

- Xây dựng hồ sơ mời thầu theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

- Sở Y tế đã thành lập tổ đánh giá hồ sơ dự thầu; thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu; tiến hành đăng tải thông báo mời thầu, đóng mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; đăng tải thông báo và báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo quy định.

- Việc phân bổ, ký và thực hiện hợp đồng mua thuốc: Đến thời điểm thanh tra, việc đấu thầu đã kết thúc giai đoạn tuyển chọn nhà thầu, Sở Y tế đang hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị thương thảo, ký kết hợp đồng cung ứng thuốc năm 2024, năm 2025.

b) Đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế

- Căn cứ nhu cầu sử dụng trang thiết bị y tế và định mức trang thiết bị y tế đã được UBND tỉnh phê duyệt, các đơn vị đã lập dự trù gửi Sở Y tế tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí mua sắm cho các đơn vị.

- Việc trình duyệt và thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Sở Y tế trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Việc lập hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định của Ngân hàng Thế giới, Sở Y tế xin ý kiến của Ban Quản lý dự án Trung ương và Ngân hàng thế giới. Được Ban Quản lý dự án Trung ương và Ngân hàng thế giới chấp thuận (Văn bản góp ý số 303/GSD-MS ngày 03/11/2022 của Ban quản lý dự án Trung ương).

1.2.2. Việc chấp hành chính sách, pháp luật trong việc đấu thầu hóa chất, vật tư y tế, sinh phẩm, chẩn đoán INVITRO và trang thiết bị y tế đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Trong thời kỳ thanh tra, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tổ chức mua sắm 32 gói thầu hóa chất, vật tư y tế, sinh phẩm, chẩn đoán INVITRO và trang thiết bị y tế.

Thanh tra tỉnh kiểm tra xác suất 15/32 gói thầu của các đơn vị Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Trung tâm Y tế các huyện: Mai Châu, Kim Bôi, Lạc Sơn, Tân Lạc, Lạc Thủy (chỉ kiểm tra trình tự, thủ tục gói thầu không kiểm tra, xác minh về giá, chất lượng gói thầu; không kiểm tra hồ sơ đấu thầu trên mạng và không kiểm tra, xác minh năng lực nhà thầu).

(có biểu số 03,04 đính kèm)

a) Đối với các gói thầu hóa chất, vật tư y tế, sinh phẩm, chẩn đoán INVITRO

Các đơn vị cơ bản chấp hành trình tự, thủ tục theo quy định trong mua sắm các gói thầu hóa chất, vật tư y tế, sinh phẩm, chẩn đoán INVITRO. Trên cơ sở đề xuất mua sắm

của các đơn vị, Sở Y tế thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Các đơn vị thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu qua mạng đảm bảo theo quy định.

b) Đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế

Các đơn vị cơ bản chấp hành trình tự, thủ tục trong mua sắm trang thiết bị y tế theo quy định. Danh mục mua sắm trang thiết bị y tế chuyên dùng đúng quy định của Bộ Y tế. Trên cơ sở đề xuất mua sắm của các đơn vị, Sở Y tế thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Các đơn vị thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu qua mạng; thực hiện ký kết hợp đồng, giao nhận trang thiết bị, thanh lý hợp đồng đúng cam kết.

1.3. Kết quả thanh tra việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình do Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế làm chủ đầu tư

Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra 28 công trình do Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế làm chủ đầu tư.

- Tổng giá trị dự toán được duyệt:	113.564.839.000đ;
- Tổng giá trị nghiệm thu:	90.785.974.000đ;
- Tổng giá trị đã thanh toán:	88.726.092.000đ;

(Có biểu số 05, 06 đính kèm)

Đối với Dự án Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Hoà Bình, Thanh tra tỉnh không kiểm tra:

+ Chi phí thiết bị do dự án đang thi công nên chưa thực hiện.

+ Công tác lựa chọn nhà thầu đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra (Thông báo số 29/TB-SKHĐT ngày 06/6/2023 về việc thực hiện công tác đấu thầu, công tác giám sát và đánh giá đầu tư tại Sở Y tế).

Qua kiểm tra cho thấy:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Các Chủ đầu tư đã thực hiện trình tự, thủ tục về đầu tư xây dựng các công trình theo quy định.

- Giai đoạn thực hiện đầu tư:

+ 28/28 công trình được đầu tư xây dựng trên địa điểm đã có mặt bằng nên không phải thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

+ Các Chủ đầu tư đã thực hiện cơ bản đảm bảo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản. Hồ sơ khảo sát, thiết kế, dự toán được thẩm định theo quy định và phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Các nhà thầu thực hiện công tác khảo sát, thiết kế, lập dự toán có đầy đủ tư cách pháp nhân. Thực hiện đầy đủ quy trình về lựa chọn các nhà thầu theo Luật Đấu thầu.

+ Các Chủ đầu tư đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp, hợp đồng thực hiện công việc tư vấn, các công việc khác theo quy định và thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục nghiệm thu, thanh toán cho các đơn vị theo nguồn kinh phí cấp.

+ Có 18/28 công trình được Chủ đầu tư thực hiện mua bảo hiểm theo dự toán được duyệt, đã nghiệm thu và thanh toán chi phí bảo hiểm công trình với tổng số tiền 96.523.530đ, đã thanh toán 96.523.530đ (Sở Y tế 07 công trình 51.792.000đ; Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc 02 công trình 2.619.000đ; Trung tâm Y tế huyện Mai Châu 01 công trình 1.240.000đ; Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn 01 công trình 5.295.530đ; Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn 01 công trình 2.840.000đ; Trung

tâm Y tế huyện Đà Bắc 02 công trình 6.270.000đ; Bệnh viện Y học cổ truyền 01 công trình 1.718.000đ; Bệnh viện đa khoa tỉnh 03 công trình 24.749.000đ).

- Giai đoạn kết thúc đầu tư: Tại thời điểm thanh tra có 27/28 công trình thi công xong và đưa vào sử dụng, còn 01 công trình (Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Hòa Bình) đang trong thời gian thi công, về cơ bản các công trình được đầu tư đúng mục đích, những công trình nghiệm thu xong đã được đưa vào sử dụng, đáp ứng được mục tiêu của dự án, hồ sơ công trình được lưu giữ đầy đủ.

2. Tôn tại, hạn chế

2.1. Việc quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc

- Có 02 đơn vị (Trung tâm Y tế huyện Mai Châu và Đà Bắc) chưa thực hiện thu tiền trông giữ xe theo Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình trong năm 2022-2023, đã ký hợp đồng dịch vụ thuê khoán trông giữ xe (hàng tháng đơn vị trông giữ xe phải nộp tiền khoán cho Trung tâm Y tế). Tuy nhiên, ngày 07/02/2024, Trung tâm Y tế thành phố đã thu được tiền khoán trông giữ xe của năm 2023, số tiền 21.000.000đ; đến ngày 11/10/2024 đã thu được số tiền khoán trông giữ xe năm 2022: 29.400.000đ (trong năm 2022 chưa ghi sổ công nợ trông giữ xe).

- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính năm 2022, 2023 do đơn vị cung cấp cho thấy (Thanh tra tỉnh không kiểm tra, đối chiếu các khoản công nợ của Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình, Thanh tra tỉnh chỉ ghi nhận số liệu do đơn vị báo cáo): Trong 02 năm (2022-2023), Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình phát sinh nợ số tiền 17.145.697.159 đồng. Theo báo cáo của đơn vị, tính đến ngày 31/12/2023, Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình đang mất cân đối (âm nguồn kinh phí) số tiền 43.341.991.979 đồng (trong đó: số tiền phải trả cho người bán là: 48.111.369.979đ; các khoản ngân sách Nhà nước cấp bù do nguồn thu không đủ bù đắp tiền lương đối với viên chức quý 3, quý 4 năm 2023, số tiền: 4.769.378.000đ); tính đến ngày 30/6/2024, Trung tâm Y tế thành phố đang mất cân đối (âm nguồn kinh phí) số tiền: 32.158.883.751 đồng (trong đó: số tiền phải trả cho người bán là: 42.812.669.751đ; các khoản ngân sách Nhà nước cấp bù do nguồn thu không đủ bù đắp tiền lương đối với viên chức quý 3, quý 4 năm 2023 và quý 1, quý 2 năm 2024, số tiền: 10.653.786.000đ).

- Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh mở một số lớp tập huấn (mỗi lớp 03 ngày) từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp thực hiện chương trình, dự án. Tuy nhiên, đơn vị không thực hiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thời gian mở lớp tập huấn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Có 02 đơn vị (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) chỉ mua vật tư văn phòng, văn phòng phẩm chưa thực hiện lập phiếu nhập kho, phiếu xuất kho theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính.

- Bệnh viện Y học cổ truyền năm 2022 thiết lập chứng từ chi tiếp khách chưa đầy đủ nội dung.

- Có 06 Trung tâm Y tế các huyện: Tân Lạc, Lương Sơn, Mai Châu, Lạc Thủy, Kim Bôi và thành phố chi may trang phục y tế, in ấn sổ sách v.v...chưa thực hiện theo Điều 9, Điều 19 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Qua thanh tra phát hiện có 09 đơn vị chi sai quy định, tổng số tiền 84.954.000 đồng (gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế thành phố và 07 Trung tâm Y tế các huyện: Tân Lạc, Lạc Sơn, Đà Bắc, Lương Sơn, Mai Châu, Lạc Thủy, Kim Bôi).

(Có biểu số 07 đính kèm)

2.2. Việc chấp hành chính sách, pháp luật trong việc đấu thầu mua sắm trang thiết bị, thuốc, vật tư y tế của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

2.2.1. Đối với Sở Y tế

a) Đối với gói thầu mua thuốc Generi

- Quá trình xây dựng danh mục và số lượng thuốc, không có thông tin, tài liệu bằng chứng làm cơ sở cho việc điều chỉnh một số mặt hàng thuốc trước đây đã sử dụng nhưng năm sau không đưa vào kế hoạch, mặt hàng thuốc năm trước không sử dụng năm sau xây dựng kế hoạch; xây dựng kế hoạch dự trù một số mặt hàng thuốc chưa phân bổ đều ở các nhóm thuốc, chưa thay thế các thuốc có giá phù hợp hơn nhằm giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả điều trị.

- Sở Y tế đã thực hiện đối chiếu tài liệu đấu thầu qua mạng tuy nhiên không lập biên bản kết quả đối chiếu tài liệu đấu thầu qua mạng là chưa đảm bảo quy định tại Thông tư 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị

- Việc lập hồ sơ mời thầu nêu chưa đầy đủ các nội dung yêu cầu khác về bảo trì, thời gian cung cấp, lắp đặt, kiểm định, cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao, các điều kiện thương mại tại mỗi thiết bị theo quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 11/7/2020 của Bộ Y tế.

- Biên bản kết quả đối chiếu hồ sơ tài liệu đấu thầu qua mạng chưa đúng mẫu theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

2.2.2. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

a) Đối với các gói thầu hóa chất, vật tư y tế, sinh phẩm, chẩn đoán INVITRO

- Biên bản thương thảo hợp đồng còn có nội dung chưa chi tiết, chưa rõ (việc gia hạn Giấy phép lưu hành đối với sản phẩm Vacxin viêm gan B tái tổ hợp đối với Công ty TNHH Đức Minh...) là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ (gói thầu vacxin năm 2022 do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm chủ đầu tư).

- Chưa đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển; thông báo mời chào hàng, thông báo mời thầu trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Đấu thầu năm 2013 (các gói thầu do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm chủ đầu tư).

- Biên bản họp Hội đồng khoa học thiếu các nội dung về “kế hoạch, nhu cầu sử dụng, dự toán” trang thiết bị y tế đề xuất đầu tư theo quy định tại Khoản 5, Điều 9, Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 20/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập (các gói thầu do Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện Mai Châu làm chủ đầu tư).

- Hồ sơ mời thầu chưa đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 20/7/2020 của Bộ Y tế như: tại phần yêu cầu kỹ thuật không có yêu cầu khác: Về bảo hành, bảo trì, thời gian cung cấp, lắp đặt, kiểm định, hướng dẫn sử dụng, đào tạo, cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao, các điều kiện thương mại (các gói thầu do Trung tâm Y tế huyện Mai Châu làm chủ đầu tư).

- Biên bản kết quả đối chiếu hồ sơ tài liệu đấu thầu qua mạng không đúng mẫu theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (các gói thầu do Bệnh viện Đa khoa tỉnh làm chủ đầu tư).

b) Đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị

- Tổng số tiền dự toán tính vượt chi phí xây lắp đối với hạng mục nhà Trung tâm khí nén, hút của các gói thầu mua sắm, lắp đặt hệ thống khí Oxy trung tâm là: 41.237.000đ (trong đó Bệnh viện Đa khoa tỉnh: 28.248.000đ; Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy: 7.825.000đ; Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc: 5.164.000đ).

- Biên bản họp của Hội đồng khoa học thiếu các nội dung về “kế hoạch, nhu cầu sử dụng, dự toán” trang thiết bị y tế đề xuất đầu tư theo quy định tại Khoản 5, Điều 9, Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 20/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập (do Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Trung tâm Y tế các huyện: Lạc Thủy, Tân Lạc, Lạc Sơn, Mai Châu làm chủ đầu tư).

- Hồ sơ mời thầu chưa đầy đủ các nội dung theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 20/7/2020 của Bộ Y tế như: Tại phần yêu cầu kỹ thuật không có yêu cầu khác: Về bảo hành, bảo trì, thời gian cung cấp, lắp đặt, kiểm định, hướng dẫn sử dụng, đào tạo, cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao, các điều kiện thương mại (do Trung tâm Y tế các huyện: Lạc Thủy, Tân Lạc, Lạc Sơn, Mai Châu, Kim Bôi làm chủ đầu tư).

- Không thực hiện báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu về cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (*UBND tỉnh*) và Bộ Y tế (*Vụ Kế hoạch Tài chính*) theo quy định Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 20/7/2020 của Bộ Y tế (do Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Trung tâm Y tế các huyện: Lạc Thủy, Tân Lạc, Lạc Sơn, Mai Châu làm chủ đầu tư).

- Biên bản kết quả đối chiếu hồ sơ tài liệu đấu thầu qua mạng không đúng mẫu theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (các gói thầu do Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện: Lạc Thủy, Tân Lạc, Lạc Sơn, Kim Bôi làm chủ đầu tư).

- Tại gói thầu tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu, đơn vị thực hiện không đảm bảo đúng quy trình chỉ định thầu rút gọn (*Không gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu*) theo quy định tại Điều 56,

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ (các gói thầu do Trung tâm Y tế các huyện: Lạc Thủy, Tân Lạc, Lạc Sơn, Kim Bôi làm chủ đầu tư).

2.3. Việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình do Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế làm chủ đầu tư.

Qua thanh tra 28 công trình phát hiện sai phạm số tiền 707.340.000đ, gồm:

- Công tác lập dự toán tính toán khối lượng các chi tiết, hạng mục công trình không chính xác dẫn đến dự toán tính sai vượt giá trị, khối lượng 532.602.000đ. Trách nhiệm thuộc về các Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn quản lý dự án, đơn vị tư vấn thiết kế, lập dự toán, đơn vị thẩm tra, thẩm định để xảy ra thiếu sót nêu trên.

- Thi công thiếu khối lượng 107.621.000đ. Trách nhiệm thuộc về các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn quản lý dự án, đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát.

- Do giảm trừ chi phí xây lắp dẫn đến giảm trừ chi phí quản lý dự án 21.190.000đ, chi phí tư vấn giám sát 20.376.000đ, chi phí thiết kế, lập dự toán 25.551.000đ.

(Chi tiết theo biểu số 08 kèm theo)

- Có 03/28 công trình trong quá trình thi công phải thực hiện điều chỉnh một số hạng mục theo nhu cầu sử dụng thực tế của các đơn vị, cụ thể:

- + Công trình Bảo dưỡng, sửa chữa khối nhà làm việc 03 tầng, nhà lưu mẫu, nhà bảo vệ, các hạng mục phụ trợ do Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm làm chủ đầu tư. Điều chỉnh giảm một số thiết bị điện, chuyển sang thi công trần thạch cao phòng Chi cục trưởng; chuyển đổi gạch lát nền từ gạch 50x50cm sang gạch 60x60cm.

- + Công trình Bảo dưỡng, sửa chữa nhà khoa TMH-RHM-Mắt, nhà khoa Nội Trung tâm Y tế huyện Mai Châu; công trình Bảo dưỡng, sửa chữa nhà Trạm Y tế 2 tầng, các hạng mục phụ trợ Trạm Y tế thị trấn Mai Châu thuộc Trung tâm Y tế huyện Mai Châu do Trung tâm Y tế huyện Mai Châu làm chủ đầu tư: Chuyển 01 điều hoà từ phòng Thủ thuật, xét nghiệm, chẩn đoán sang phòng Dược, nhà trạm y tế thị trấn; chuyển 03 điều hoà từ khoa TMH-RHM-Mắt sang khoa Xét nghiệm và khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, nền nhà chuyển từ gạch lát 60x60cm theo thiết kế sang gạch 40x40cm.

- + Công trình Sửa chữa, cải tạo nhà tang lễ đại thể, khối nhà Dự phòng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc công trình do Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc làm chủ đầu tư. Các hạng mục điều chỉnh: Cải tạo nhà tang lễ đại thể, nhà để xe người nhà bệnh nhân, nhà để xe cán bộ nhân viên, tường chắn + lan can + bậc lên xuống, bồn cây, sân đường, cột đèn, kè đá, rãnh thoát nước, chuyển đổi sân lát gạch gốm 40x40cm sang gạch sân vườn.

III. Việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

1. Kết quả đạt được

1.1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra

Trong năm 2022, 2023, Sở Y tế đã xây dựng kế hoạch thanh tra trên cơ sở hướng dẫn của Thanh tra tỉnh và Bộ Y tế. Giám đốc Sở Y tế đã phê duyệt kế hoạch thanh tra theo quy định. Chỉ đạo Thanh tra Sở hoàn thành 08 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch. Qua kiểm tra cho thấy, các cuộc thanh tra được tiến hành đảm

bảo đúng trình tự, thủ tục. Việc công khai kết luận thanh tra được thực hiện theo quy định.

1.2. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân và xử lý đơn thư

Sở Y tế đã bố trí nơi tiếp công dân tại tầng 1 trụ sở cơ quan, Phòng tiếp công dân được trang bị các điều kiện đảm bảo cho việc tiếp công dân. Sở Y tế đã niêm yết Quy chế tiếp công dân, Nội quy tiếp công dân, quyền và nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và Lịch tiếp công dân của Giám đốc Sở Y tế. Trong 02 năm, Sở Y tế đã tiếp 04 lượt công dân. Giám đốc Sở Y tế trực tiếp tiếp công dân theo lịch định kỳ ngày 20 hàng tháng, Thanh tra Sở thực hiện tiếp công dân thường xuyên theo quy định.

Trong 02 năm, Sở Y tế nhận được 06 đơn thư (04 đơn kiến nghị, phản ánh; 01 đơn khiếu nại; 01 đơn tố cáo). Qua phân loại có 01 đơn khiếu nại, 01 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Y tế; có 04 đơn kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở đã chuyển đơn đến các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Y tế giải quyết theo quy định.

- Sở Y tế đã theo dõi, tổng hợp, báo cáo và nhập số liệu vào Hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về khiếu nại, tố cáo, đã nhập số lượt tiếp công dân và đơn vào phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia theo quy định.

1.3. Việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền

Sở Y tế đã thụ lý giải quyết 01 đơn tố cáo và 01 đơn khiếu nại của công dân. Tại thời điểm thanh tra, Sở Y tế đã giải quyết xong 02 vụ việc, về trình tự, thủ tục và thời gian giải quyết đảm bảo theo quy định.

1.4. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN)

a) Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

- Việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN: Căn cứ các văn bản, kế hoạch của Trung ương, UBND tỉnh và Thanh tra tỉnh, Sở Y tế đã xây dựng và ban hành các văn bản thực hiện chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2022, năm 2023.

- Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Sở Y tế đã thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đã xây dựng kế hoạch, thực hiện tuyên truyền, quán triệt tại hội nghị, các cuộc họp cơ quan.

- Việc thực hiện các biện pháp về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan được thực hiện đảm bảo đúng quy định. Danh mục thủ tục hành chính (TTHC), thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết được Sở Y tế công khai theo quy định, được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở. Sở Y tế đã chỉ đạo các phòng, các đơn vị trực thuộc áp dụng hình thức công khai phù hợp với từng cơ quan, đơn vị như: Công khai dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm; các tiêu chuẩn, chế độ, chính sách; công tác tổ chức cán bộ; các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ hàng năm; Thực hiện ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt.

- Việc chuyển đổi vị trí công tác: Sở Y tế đã xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác và luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức từng năm, hướng dẫn các

cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện. Trong 02 năm, ngành Y tế đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 174 công chức, viên chức (năm 2022: 109 người; năm 2023: 65 người), việc chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện theo quy định.

- Việc xử lý và giải quyết phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng: Sở Y tế không có nội dung này.

- Việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, báo cáo kiểm toán, các quyết định xử lý và việc chấp hành chỉ đạo của cấp trên về công tác phòng, chống tham nhũng được Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị, tổ chức và cá nhân tổ chức thực hiện.

b) Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

Sở Y tế đã ban hành các văn bản về việc hướng dẫn và lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2022, 2023 theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Trong 02 năm các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế đã triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai; 100% số người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập đã thực hiện việc kê khai tài sản theo quy định (năm 2022 có 795 người, năm 2023 có 706 người). Các bản kê khai tài sản thu nhập được công khai tại cuộc họp và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị.

- Việc quản lý, cập nhật bản kê khai tài sản, thu nhập và các thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập; theo dõi biến động về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai được thực hiện theo quy định.

Trong năm 2023, Thanh tra tỉnh đã tiến hành xác minh 10 trường hợp thuộc đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập do Sở Y tế quản lý. Sở Y tế đã công khai Kết luận xác minh của Thanh tra tỉnh theo quy định.

c) Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng.

Sở Y tế đã thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

Phần thứ ba:

KẾT LUẬN

I. Việc giải quyết thủ tục hành chính

Sở Y tế đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo để triển khai thực hiện các thủ tục hành chính; đã tiến hành rà soát, đánh giá và đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính; đã thực hiện việc công khai đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định.

Việc cấp chứng chỉ hành nghề y, dược, mỹ phẩm được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, các hồ sơ đảm bảo đầy đủ về thành phần và nội dung; thời gian giải quyết xong trước hạn đạt tỷ lệ trên 90%, không có hồ sơ giải quyết chậm.

II. Công tác quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, đầu tư xây dựng, mua sắm công

1. Công tác lập, giao dự toán thu, chi NSNN và xét duyệt quyết toán

Sở Y tế đã thực hiện việc lập, giao dự toán thu, chi NSNN cho các đơn vị trực thuộc cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của Luật Ngân sách

Nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Việc xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc về cơ bản đảm bảo theo quy định.

Tuy nhiên, trong quá trình xét duyệt quyết toán còn chưa phát hiện có 09 đơn vị chi sai quy định, tổng số tiền 84.954.000 đồng. Trách nhiệm thuộc về Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và chuyên viên được giao phụ trách của Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế.

2. Công tác quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách và quản lý các nguồn kinh phí khác của Sở Y tế và 12 đơn vị trực thuộc

Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc đã quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách của đơn vị cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tuy nhiên, một số đơn vị còn có tồn tại, hạn chế sau:

- Sở Y tế và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổ chức lớp tập huấn nhưng không trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

Trách nhiệm thuộc về chuyên viên được giao nhiệm vụ phòng nghiệp vụ Y và phòng Tổ chức - Hành chính Sở Y tế; Lãnh đạo đơn vị, Trưởng khoa Dinh dưỡng và Trưởng khoa Sức khỏe sinh sản Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

- Trung tâm Y tế các huyện: Mai Châu và Đà Bắc chưa thực hiện thu tiền trông giữ xe theo Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh Hòa Bình.

- Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình trong năm 2022-2023 đã ký hợp đồng dịch vụ thuê khoán trông giữ xe thu tiền hàng tháng. Đến ngày 07/02/2024, Trung tâm Y tế thành phố đã thu được số tiền khoán trông giữ xe của năm 2023; đến ngày 11/10/2024 đã thu được số tiền khoán trông giữ xe năm 2022 (trong năm 2022 chưa ghi sổ công nợ trông giữ xe). Trách nhiệm thuộc về Giám đốc và Kế toán trưởng Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình.

- Trong 02 năm (2022-2023), Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình phát sinh nợ số tiền 17.145.697.159 đồng, tính đến ngày 31/12/2023, Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình đang mất cân đối (âm nguồn kinh phí) số tiền 43.341.991.979 đồng. Trách nhiệm chính thuộc về Giám đốc và Kế toán trưởng Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình; Giám đốc và Kế toán trưởng Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn (nay đã sáp nhập vào Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình).

- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh mua vật tư, văn phòng phẩm chưa thực hiện lập phiếu nhập kho, phiếu xuất kho theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Trách nhiệm thuộc về Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Kế toán trưởng của đơn vị.

- Bệnh viện Y học cổ truyền năm 2022 lập chứng từ chi tiếp khách chưa đầy đủ nội dung. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Có 06 Trung tâm Y tế các huyện: Tân Lạc, Lương Sơn, Mai Châu, Lạc Thủy, Kim Bôi và thành phố Hòa Bình chi may trang phục y tế, in ấn sổ sách v.v...chưa thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 19 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc và Kế toán trưởng của 06 đơn vị trên.

- Quá trình thanh tra đã phát hiện có 09 đơn vị chi sai quy định tổng số tiền 84.954.000 đồng, gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế thành phố và 07 Trung tâm Y tế các huyện: Tân Lạc, Lạc Sơn, Đà Bắc, Lương Sơn, Mai Châu, Lạc Thủy, Kim Bôi. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc và Kế toán trưởng đơn vị.

3. Việc chấp hành chính sách, pháp luật trong việc đấu thầu mua sắm trang thiết bị, thuốc, vật tư y tế của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế cơ bản chấp hành đúng trình tự, thủ tục trong việc đấu thầu thuốc, hóa chất, vật tư y tế, sinh phẩm, chẩn đoán INVITRO và trang thiết bị y tế. Tuy nhiên, còn có một số tồn tại, hạn chế sau:

- Tổng số tiền dự toán tính vượt chi phí xây lắp đối với hạng mục nhà Trung tâm khí nén, hút của các gói thầu mua sắm, lắp đặt hệ thống khí Oxy trung tâm là: 41.237.000đ (trong đó Bệnh viện Đa khoa tỉnh: 28.248.000đ; Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy: 7.825.000đ; Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc: 5.164.000đ).

- Sở Y tế, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện: Lạc Thủy, Kim Bôi, Mai Châu, Lạc Sơn, Tân Lạc thực hiện chưa đầy đủ trình tự, thủ tục trong đấu thầu thuốc, hóa chất, vật tư y tế, sinh phẩm, chẩn đoán INVITRO và trang thiết bị y tế (đã nêu chi tiết tại mục 2.2 việc chấp hành chính sách, pháp luật trong việc đấu thầu mua sắm trang thiết bị, thuốc, hóa chất, vật tư y tế của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế).

Trách nhiệm chính thuộc về Giám đốc dự án y tế cơ sở, Trưởng phòng nghiệp vụ Dược và các công chức thuộc Sở Y tế được giao tham mưu thực hiện nhiệm vụ; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Giám đốc Trung tâm Y tế các huyện: Lạc Thủy, Kim Bôi, Mai Châu, Lạc Sơn, Tân Lạc và các viên chức được giao tham mưu thực hiện nhiệm vụ.

4. Việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình do Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở làm chủ đầu tư.

Các Chủ đầu tư đã thực hiện trình tự, thủ tục từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc đầu tư theo quy định; các công trình thi công về cơ bản đúng thiết kế, kỹ thuật. Công tác lựa chọn nhà thầu, các đơn vị trúng thầu xây lắp, tư vấn đầu tư xây dựng có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực thực hiện các công việc theo hợp đồng; các công trình xây dựng xong đã bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng đúng mục đích, đáp ứng mục tiêu đề ra. Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện công trình được các Chủ đầu tư lưu trữ cơ bản đầy đủ.

Tuy nhiên, còn có một số tồn tại, hạn chế sau:

- Các Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn quản lý dự án, đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, đơn vị thi công, đơn vị thẩm định trong quá trình thực hiện còn thiếu sót, hạn chế và chưa chặt chẽ. Trong quá trình tổ chức thực hiện còn để xảy ra một số sai sót trong thi công xây lắp, lập dự toán, nghiệm thu, thanh toán vượt chi phí đầu tư xây dựng.

- Qua thanh tra 28 công trình phát hiện sai phạm số tiền 707.340.000đ, gồm:

+ Công tác lập dự toán tính toán khối lượng các chi tiết, hạng mục công trình không chính xác dẫn đến dự toán tính sai vượt giá trị, khối lượng 532.602.000đ.

+ Thi công thiếu khối lượng 107.621.000đ.

+ Do giảm trừ chi phí xây lắp dẫn đến giảm trừ chi phí quản lý dự án 21.190.000đ, chi phí tư vấn giám sát 20.376.000đ, chi phí thiết kế, lập dự toán 25.551.000đ.

(Chi tiết theo biểu số 08 kèm theo)

Trách nhiệm thuộc về các Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn quản lý dự án, đơn vị tư vấn thiết kế, lập dự toán, đơn vị thẩm tra, thẩm định, đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát đối với các thiếu sót nêu trên.

Ngoài ra còn một số tồn tại, hạn chế:

Có 03/28 công trình trong quá trình thi công phải thực hiện điều chỉnh một số hạng mục theo nhu cầu sử dụng thực tế của các đơn vị, cụ thể:

+ Công trình Bảo dưỡng, sửa chữa khối nhà làm việc 03 tầng, nhà lưu mẫu, nhà bảo vệ, các hạng mục phụ trợ do Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm làm chủ đầu tư. Điều chỉnh giảm một số thiết bị điện, chuyển sang thi công trần thạch cao phòng Chi cục trưởng; chuyển đổi gạch lát nền từ gạch 50x50cm sang gạch 60x60cm.

+ Công trình Bảo dưỡng, sửa chữa nhà khoa TMH-RHM-Mắt, nhà khoa Nội Trung tâm Y tế huyện Mai Châu; công trình Bảo dưỡng, sửa chữa nhà Trạm Y tế 2 tầng, các hạng mục phụ trợ Trạm Y tế thị trấn Mai Châu thuộc Trung tâm Y tế huyện Mai Châu do Trung tâm Y tế huyện Mai Châu làm chủ đầu tư: Chuyển 01 điều hoà từ Phòng Thủ thuật, xét nghiệm, chẩn đoán sang phòng Dược, nhà Trạm Y tế thị trấn; chuyển 03 điều hoà từ khoa TMH-RHM-Mắt sang khoa xét nghiệm và khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, nền nhà chuyển từ gạch lát 60x60cm theo thiết kế sang gạch 40x40cm.

+ Công trình Sửa chữa, cải tạo nhà tang lễ đại thể, khối nhà Dự phòng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc công trình do Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc làm chủ đầu tư. Các hạng mục điều chỉnh: Cải tạo nhà tang lễ đại thể, nhà để xe người nhà bệnh nhân, nhà để xe cán bộ nhân viên, tường chắn + lan can + bậc lên xuống, bồn cây, sân đường, cột đèn, kè đá, rãnh thoát nước, chuyển đổi sân lát gạch gồm 40x40cm sang gạch sân vườn.

Trách nhiệm thuộc về các Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế.

III. Việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Giám đốc Sở Y tế đã chỉ đạo, thực hiện đảm bảo trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định; triển khai, tổ chức, thực hiện và chỉ đạo phối hợp giữa các phòng, đơn vị thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết xong các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

- Công tác phòng, chống tham nhũng đã được Sở Y tế thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, đã công khai minh bạch về tổ chức và các hoạt động của cơ quan, đơn vị; thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; thực hiện nghiêm túc việc chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ quyền hạn.

IV. Kết luận đối với Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở Y tế

Việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở Y tế đối với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở về cơ bản đã thực hiện theo

quy định và theo sự phân công nhiệm vụ của Giám đốc Sở Y tế. Tuy nhiên, với những sai phạm, tồn tại của các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế (đã nêu trên) có phần trách nhiệm của Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở Y tế được phân công phụ trách từng lĩnh vực trong việc lãnh đạo, điều hành, kiểm tra các đơn vị.

Phần thứ tư

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã tham mưu Chánh Thanh tra tỉnh ban hành các quyết định thu hồi tổng số tiền 666.592.000đ vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra tỉnh Hòa Bình tại Kho bạc Nhà nước Hòa Bình. Các đơn vị đã thực hiện nộp đủ số tiền 666.592.000đ vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra tỉnh Hòa Bình tại Kho bạc Nhà nước Hòa Bình.

Phần thứ năm

KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Xử lý về kinh tế

Đề nghị Sở Y tế chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc được giao quản lý dự án đầu tư xây dựng thực hiện giảm trừ khi nghiệm thu, thanh toán số tiền 166.939.000đ, gồm: Dự toán tính vượt chi phí xây lắp 154.792.000đ, giảm trừ chi phí quản lý dự án 4.360.000đ, giảm trừ chi phí tư vấn giám sát 4.292.000đ; giảm trừ chi phí tư vấn thiết kế 3.495.000đ (có biểu số 08 đính kèm)

2. Xử lý hành chính

Đề nghị Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo, thực hiện:

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các thiếu sót, tồn tại đã nêu tại phần thứ ba kết luận thanh tra; trường hợp đến mức phải xử lý kỷ luật thì xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu, xem xét và quyết định những đơn vị, cá nhân có sai phạm để tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

3. Kiến nghị khác

3.1. Thanh tra tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

Theo Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc chuyển Trung tâm y tế các huyện, thành phố trực thuộc Sở Y tế về trực thuộc UBND huyện, thành phố; tuy nhiên, sự việc xảy ra trong giai đoạn thuộc Sở Y tế quản lý. Tính đến thời điểm 31/12/2023, Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình đang mất cân đối (âm nguồn kinh phí) số tiền 43.341.991.979 đồng. Tính đến ngày 30/6/2024, Trung tâm Y tế thành phố đang mất cân đối (âm nguồn kinh phí) số tiền: 32.158.883.751 đồng (trong đó: số tiền phải trả cho người bán là: 42.812.669.751đ; các khoản ngân sách Nhà nước cấp bù do nguồn thu không đủ bù đắp tiền lương đối với viên chức quý 3, quý 4 năm 2023 và quý 1, quý 2 năm 2024, số tiền: 10.653.786.000đ). Để có cơ sở bàn giao về UBND thành phố Hòa Bình quản lý, Thanh tra tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Y tế thực hiện kiểm tra, rà soát, làm rõ nguyên nhân dẫn đến việc mất cân đối tài chính và trách nhiệm của tập thể, cá nhân và xử lý theo quy định.

3.2. Đề nghị Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo:

- Phòng Kế hoạch - Tài chính: Trong quá trình thực hiện xét duyệt quyết toán tài chính, ngân sách đối với các đơn vị dự toán, cần kịp thời phát hiện, xuất toán chứng từ không đúng quy định để tránh tình trạng xảy ra thiếu sót nêu trên.

- Các phòng, ban chuyên môn được giao nhiệm vụ về công tác đấu thầu mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế phải thực hiện đúng theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

- Chỉ đạo, đôn đốc nhà thầu khẩn trương thi công công trình Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, tỉnh Hòa Bình theo đúng tiến độ, đảm bảo kỹ thuật, đúng thiết kế; giám sát chặt chẽ quá trình thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng quy định. Tăng cường kiểm tra, giám sát khối lượng, chất lượng công trình để phát hiện, khắc phục kịp thời các sai sót trong quá trình thi công, nghiệm thu, thanh toán các chi tiết hạng mục công trình sát với khối lượng thi công thực tế. Thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục kết thúc đầu tư, kịp thời bàn giao các công trình đã hoàn thành để đưa vào sử dụng, bảo hành công trình theo đúng quy định.

Thanh tra tỉnh kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc; thanh tra trách nhiệm của Giám đốc Sở Y tế trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2022-2023./

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Y tế tỉnh Hòa Bình niêm yết công khai kết luận tại trụ sở đơn vị theo quy định;
- Chánh, Phó Chánh Thanh tra tỉnh;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Công bố trên trang TTĐT Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, HS (Y20b).

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Văn Trường

UBND TỈNH HÒA BÌNH
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH KIỂM TRA NGẪU NHIÊN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA SỞ Y TẾ TỈNH HÒA BÌNH GIAI ĐOẠN 2022-2023**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 49/KL-TTr ngày 10 / 02/2025 của Thanh tra tỉnh)

Danh sách hồ sơ kiểm tra ngẫu nhiên Lĩnh vực Dược, mỹ phẩm				
Năm	Mã Hồ sơ	Ngày nhận	Số GCN ĐDKKDD/CCHND	Ngày trả kết quả
2022	000.00.07.H28-220629-0013	29/6/2022	0688/CCHN-D-SYT-HB	20/7/2022
	000.00.07.H28-220630-0002	30/6/2022	0685/CCHN-D-SYT-HB	21/7/2022
	000.00.07.H28-220629-0012	29/6/2022	0687/CCHN-D-SYT-HB	20/7/2022
	000.00.07.H28-220629-0015	29/6/2022	0693/CCHN-D-SYT-HB	06/7/2022
	000.00.07.H28-220629-0014	29/6/2022	0692/CCHN-D-SYT-HB	06/7/2022
	000.00.07.H28-221220-0019	20/12/2022	504/DDKKDDD-HB, 158/GPP	11/01/2023
	000.00.07.H28-221220-0021	20/12/2022	503/DDKKDDD-HB, 157/GPP	11/01/2023
	000.00.07.H28-221214-0004	14/12/2022	502/DDKKDDD-HB, 156/GPP	03/01/2023
	000.00.07.H28-221214-0006	14/12/2022	P.158/GPP	12/01/2023
	000.00.07.H28-221214-0007	14/12/2022	P.86/GPP	12/01/2023
2023	000.00.07.H28-230920-0001	21/9/2023	0925/CCHN-D-SYT-HB	05/10/2023
	000.00.07.H28-230919-0002	21/9/2023	0926/CCHN-D-SYT-HB	05/10/2023
	000.00.07.H28-230916-0002	22/9/2023	0930/CCHN-D-SYT-HB	06/10/2023
	000.00.07.H28-230921-0002	21/9/2023	0322/CCHN-D-SYT-HB	26/9/2023
	000.00.07.H28-230921-0001	21/9/2023	0148/CCHN-D-SYT-HB	26/9/2023

	000.00.07.H28-231130-0010	30/11/2023	606/DDKKDDD-HB, 216/GPP	20/12/2023
	000.00.07.H28-231130-0002	30/11/2023	608/DDKKDDD-HB, 218/GPP	20/12/2023
	000.00.07.H28-231130-0004	30/11/2023	609/DDKKDDD-HB, 219/GPP	20/12/2023
	000.00.07.H28-231122-0005	22/11/2023	P.152/GPP	21/12/2023
	000.00.07.H28-231122-0001	22/11/2023	P.155/GPP	21/12/2023

Danh sách hồ sơ kiểm tra ngẫu nhiên Nghiệp vụ Y

STT	Mã hồ sơ	Ngày nhận	Số GPHĐ, CCHN	Ngày trả kết quả
Năm 2022				
1	000.00.07.H28-220727-001	27/7/2022	162/HB-GPHĐ	23/09/2022
2	000.00.07.H28-220829-0001	29/8/2022	145/HB-GPHĐ	23/09/2022
3	000.00.07.H28-221111-0004	11/11/2022	115/HB-GPHĐ	28/12/2022
4	000.00.07.H28-220922-0003	22/9/2022	003101/HB-CCHN	25/10/2022
5	000.00.07.H28-220920-000	20/9/2022	003102/HB-CCHN	25/10/2022
6	000.00.07.H28-220929-0001	29/9/2022	003103/HB-CCHN	25/10/2022
7	000.00.07.H28-221013-0004	13/10/2022	000206/HB-CCHN	25/10/2022
8	000.00.07.H28-221103-0001	03/11/2022	003106/HB-CCHN	05/12/2022
9	000.00.07.H28-221118-0004	18/11/2022	003107/HB-CCHN	05/12/2022
10	000.00.07.H28-221129-0016	29/11/2022	003109/HB-CCHN	05/12/2022

Năm 2023

1	000.00.07.H28-230117-0010	17/01/2023	003158/HB-CCHN	13/02/2023
2	000.00.07.H28-230203-0001	03/02/2023	003163/HB-CCHN	22/02/2023
3	000.00.07.H28-230112-0001	12/01/2023	260/HB-GPHĐ	16/02/2023
4	000.00.07.H28-230420-0002	20/04/2023	263/HB-GPHĐ	24/05/2023
5	000.00.07.H28-230404-0004	04/04/2023	002488/HB-CCHN	24/04/2023
6	000.00.07.H28-230509-0004	09/05/2023	003219/HB-CCHN	06/06/2023
7	000.00.07.H28-230721-0003	21/07/2023	000150/HB-CCHN	08/08/2023
8	000.00.07.H28-231016-0002	16/10/2023	003301/HB-CCHN	09/11/2023
9	000.00.07.H28-231023-0012	24/10/2023	003305/HB-CCHN	17/11/2023
10	000.00.07.H28-231124-0005	27/11/2023	079/HB-GPHĐ	26/12/2023
11	000.00.07.H28-231206-0008	15/12/2023	003362/HB-CCHN	12/01/2024

THANH TRA TỈNH

TỔNG HỢP THU - CHI TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH CỦA SỞ Y TẾ VÀ 12 ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 49/KL-TTr ngày 10/02/2025 của Thanh tra tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Năm 2022											Tổng cộng năm 2022
		Văn phòng sở	Chi cục ATVSTP	BVDK Tỉnh	BV YHCT	CDC	Mai Châu	Tân Lạc	Lạc Thủy	Lương Sơn	Kim Bôi	Thành Phố	
1	Ngân sách Nhà nước cấp:	7.756.523.200	4.057.773.700	47.623.988.687	4.637.971.000	34.266.498.650	28.968.880.624	42.612.315.727	32.246.561.083	33.484.129.167	44.154.413.873	52.507.498.207	332.316.553.918
	KP năm trước chuyển sang:	-	-	13.343.750.000	-	-	-	2.999.393.500	3.000.000.000	-	-	2.648.000.000	21.991.143.500
	KP NSNN cấp trong năm:	7.789.250.900	4.062.058.000	34.982.915.089	4.637.971.000	34.718.350.100	29.042.456.524	39.695.693.690	29.524.242.919	33.554.345.617	44.420.058.312	51.394.370.107	313.821.712.258
	Kinh phí bị hủy	32.727.700	4.284.300	702.676.402		451.851.450	73.575.900	82.771.463	277.681.836	70.216.450	265.644.439	1.534.871.900	3.496.301.840
	Kinh phí phải nộp trả ngân sách												
2	Nguồn thu sự nghiệp	1.348.371.100	327.824.980	371.068.356.797	16.322.631.627	6.926.980.676	45.417.080.196	37.473.708.923	31.660.067.898	23.809.503.393	42.318.487.830	30.946.871.689	607.619.885.109
a	Nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang	536.208.100	132.124.980	12.967.673.022	340.325.862	2.671.755.874	5.836.111.734	863.805.000	665.230.166	546.531.793	3.144.178.917	264.863.325	27.968.808.773
b	Nguồn thu sự nghiệp trong năm	812.163.000	195.700.000	358.100.683.775	15.982.305.765	4.255.224.802	39.580.968.462	36.609.903.923	30.994.837.732	23.262.971.600	39.174.308.913	30.682.008.364	579.651.076.336
3	Tổng chi (3.1 + 3.2):	8.281.572.750	4.190.243.200	397.741.523.717	16.735.292.658	38.298.118.175	60.824.012.615	77.046.310.288	58.931.893.463	56.616.592.996	80.355.498.952	82.222.687.138	881.243.745.952
3.1	<i>Chi từ nguồn ngân sách NN cấp:</i>	7.756.523.200	4.046.035.700	47.623.988.687	3.845.651.400	34.154.792.150	28.784.914.858	42.612.315.727	32.246.561.083	33.484.129.167	44.152.557.166	52.507.498.207	331.214.967.345
3.2	<i>Chi từ nguồn thu sự nghiệp:</i>	525.049.550	144.207.500	350.117.535.030	12.889.641.258	4.143.326.025	32.039.097.757	34.433.994.561	26.685.332.380	23.132.463.829	36.202.941.786	29.715.188.931	550.028.778.607
3.3	<i>Chi từ nguồn cải cách tiền lương</i>						335.352.400		434.383.000	14.617.000		264.863.325	1.049.215.725
3.4	Chênh lệch thu - chi:	287.113.450	51.492.500	7.983.148.745	3.092.664.507	111.898.777	7.541.870.705	2.175.909.362	4.309.505.352	130.507.771	2.971.367.127	966.819.433	29.622.297.729
a	Trích tỷ lệ phần trăm để lại chi cải cách tiền lương	199.566.000	51.492.500	-	1.199.199.000	97.070.000	2.806.423.000	981.415.000	1.681.992.161	40.466.000	1.326.132.226	457.422.000	8.841.177.887
b	Trích lập các quỹ:	87.547.450	-	7.983.148.745	1.893.465.507	14.828.777	4.735.447.705	1.194.494.362	2.627.513.191	90.041.771	1.645.234.901	509.397.433	20.781.119.842
4	KP còn dư chuyển sang năm sau:	735.774.100	195.355.480	12.967.673.022	2.331.844.462	2.880.532.374	8.491.148.100	1.845.220.000	1.912.839.327	572.380.793	4.472.167.850	457.422.000	36.862.357.508
	<i>Ngân sách Nhà nước cấp:</i>	-	11.738.000	-	792.319.600	111.706.500	183.965.766	-	-	-	1.856.707	-	1.101.586.573
	<i>Nguồn cải cách tiền lương</i>	735.774.100	183.617.480	12.967.673.022	1.539.524.862	2.768.825.874	8.307.182.334	1.845.220.000	1.912.839.327	572.380.793	4.470.311.143	457.422.000	35.760.770.935

THANH TRA TỈNH

TỔNG HỢP THU - CHI TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH CỦA SỞ Y TẾ VÀ 12 ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023
(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 49/KL-TTr ngày 10/02/2025 của Thanh tra tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Năm 2023													Tổng cộng năm 2023
		Văn phòng số	Chi cục ATVSTP	BVDK Tỉnh	BV YHCT	CDC	Mai Châu	Đà Bắc	Tân Lạc	Lạc Thủy	Lương Sơn	Lạc Sơn	Kim Bôi	Thành Phố	
1	Ngân sách Nhà nước cấp:	10.002.674.455	4.983.736.000	9.865.467.349	4.390.111.600	36.172.795.024	25.244.418.389	32.930.621.605	32.198.427.095	21.646.704.119	34.893.503.774	50.901.352.352	45.858.216.173	46.019.028.466	355.107.056.401
	KP năm trước chuyển sang:	-	11.738.000	-	792.319.600	111.706.500	183.965.766	845.728.049	-	-	-	3.017.267.900	1.856.707	-	4.964.582.522
	KP NSNN cấp trong năm:	10.078.885.700	4.997.308.000	10.169.159.993	3.910.134.400	36.972.496.800	27.568.594.000	34.560.808.300	33.906.829.200	22.280.329.800	36.426.489.200	48.243.440.500	46.920.717.300	46.539.591.300	362.574.784.493
	Kinh phí bị hủy	76.211.245	25.310.000	303.692.644	312.342.400	911.408.276	2.508.141.377	2.475.914.744	1.708.402.105	633.625.681	1.532.985.426	359.356.048	1.064.357.834	520.562.834	12.432.310.614
	Kinh phí phải nộp trả ngân sách										16.000.000				16.000.000
2	Nguồn thu sự nghiệp	1.494.422.100	466.227.480	363.758.961.235	19.008.816.422	8.703.011.357	52.245.962.167	25.986.090.062	45.794.017.501	41.212.468.796	25.002.261.091	48.896.213.387	47.688.164.846	26.229.617.439	706.486.233.883
a	Nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang	735.774.100	183.617.480	12.967.673.022	1.539.524.862	2.768.825.874	8.307.182.334	55.147.050	1.845.220.000	1.912.839.327	572.380.793	5.762.020.125	4.470.311.143	457.422.000	41.577.938.110
b	Nguồn thu sự nghiệp trong năm	758.648.000	282.610.000	350.791.288.213	17.469.291.560	5.934.185.483	43.938.779.833	25.930.943.012	43.948.797.501	39.299.629.469	24.429.880.298	43.134.193.262	43.217.853.703	25.772.195.439	664.908.295.773
3	Tổng chi (3.1 + 3.2):	10.587.025.755	5.137.051.414	328.128.994.914	18.967.903.472	40.079.698.376	58.656.170.504	58.539.423.243	70.722.928.365	50.849.452.792	59.027.872.959	87.807.004.825	76.964.695.964	70.362.622.278	935.830.844.861
3.1	Chi từ nguồn ngân sách NN cấp:	10.002.674.455	4.935.670.534	9.865.467.349	4.390.111.600	35.307.750.004	25.076.017.569	32.780.001.401	32.198.427.095	21.646.704.119	34.909.503.774	50.393.029.252	39.096.800.708	45.776.171.300	346.378.329.160
3.2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp:	584.351.300	201.380.880	318.263.527.565	14.577.791.872	4.771.948.372	33.580.152.935	25.759.421.842	38.524.501.270	29.202.748.673	24.118.369.185	37.413.975.573	37.867.895.256	24.586.450.978	589.452.515.701
3.3	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	463.216.000	157.551.000		1.532.115.200	2.178.556.008	2.741.594.000	55.147.050	1.845.220.000	1.912.839.000	572.380.793	7.296.060.045	4.085.059.000	457.422.000	23.297.160.096
3.4	Chênh lệch thu - chi:	174.296.700	81.229.120	32.527.760.648	2.891.499.688	1.162.237.111	10.358.626.898	171.521.170	5.424.296.231	10.096.880.796	311.511.113	5.720.217.689	5.349.958.447	1.185.744.461	75.455.780.072
a	Trích tỷ lệ phần trăm để lại chi cải cách tiền lương	69.719.000	75.827.300	-	1.063.077.000	477.815.203	3.653.081.000	171.521.170	1.975.898.000	3.658.574.599	174.220.290	2.194.406.000	1.987.280.738	589.202.000	16.090.622.300
b	Trích lập các quỹ:	104.577.700	5.401.820	32.527.760.648	1.828.422.688	684.421.908	6.705.545.898	-	3.448.398.231	6.438.306.197	137.290.823	3.525.811.689	3.362.677.709	596.542.461	59.365.157.772
4	KP còn dư chuyển sang năm sau:	342.277.100	149.959.246	12.967.673.022	1.070.486.662	1.933.130.089	9.387.070.154	322.141.374	1.975.898.000	3.658.574.926	158.220.290	1.168.689.180	9.133.948.346	832.059.166	43.100.127.555
	Ngân sách Nhà nước cấp:	-	48.065.466	-	-	865.045.020	168.400.820	150.620.204	-	-	(16.000.000)	508.323.100	6.761.415.465	242.857.166	8.728.727.241
	Nguồn cải cách tiền lương	342.277.100	101.893.780	12.967.673.022	1.070.486.662	1.068.085.069	9.218.669.334	171.521.170	1.975.898.000	3.658.574.926	174.220.290	660.366.080	2.372.532.881	589.202.000	34.371.400.314

THANH TRA TỈNH

UBND TỈNH HÒA BÌNH
THANH TRA TỈNH

Biểu số 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC GÓI THÀUTHUỐC, HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ, SINH PHẨM, CHUẨN ĐOÁN INVITRO NĂM
2022-2023**

(Kèm theo Kết luận số 49 /KL-TTr ngày 10 / 02/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh Hòa Bình)

STT	Tên gói thầu và tên nhà trúng thầu	Giá trị dự toán được duyệt	Số lượng mặt hàng trúng thầu	Giá trị trúng thầu (đồng)	Ghi chú
I	SỞ Y TẾ				
	Gói thầu mua thuốc GENERIC	796.005.897.394	1070	698.063.662.175	
II	CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC Sở Y TẾ				
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh				
1.1	Mua hóa chất xét nghiệm cho máy miễn dịch	7.063.802.000	74	6.983.805.600	
1.2	Mua vật tư y tế	60.968.541.800	195	53.874.692.200	
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh				
1.1	Mua thuốc Methadone năm 2022	834.960.000	1	825.566.700	
1.2	Mua Vaxin dịch vụ năm 2022	4.363.693.790	24	4.268.668.450	
1.3	Mua thuốc Methadone năm 2023	701.946.000	1	680.900.000	
1.4	Mua Vaxin dịch vụ năm 2023	4.453.550.200	19	4.154.888.700	
3	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu				
	Mua hóa chất vật tư y tế	2.460.199.000	44	2.452.620.000	

THANH TRA TỈNH

UBND TỈNH HÒA BÌNH
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TIẾT CÁC GÓI THẦU MUA SẮM TBYT

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 49/KL-TTr, ngày 10/02/2025 của Thanh tra tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: 1.000đ

STT	GÓI THẦU	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán được duyệt			Giá trị trúng thầu phần thiết bị	Giá trị nghiệm thu			Giá trị thanh toán		
			Cộng	Thiết bị	Chi phí khác		Cộng	Thiết bị	Chi phí khác	Cộng	Thiết bị	Chi phí khác
I	SỞ Y TẾ											
1	Mua sắm thiết bị chẩn đoán hình ảnh (HB-2022-TBYT1)	21.880.819	21.880.819	21.478.164	402.655	20.489.985	20.892.640	20.489.985	402.655	20.892.640	20.489.985	402.655
2	Mua sắm thiết bị khám và thiết bị y tế khác (HB-2022-TBYT2)	14.796.581	14.796.581	14.546.020	250.561	14.478.215	14.644.788	14.478.215	166.573	14.644.788	14.478.215	166.573
II	CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC Sở Y TẾ											
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh											
1.1	Mua sắm, lắp đặt bổ sung hệ thống khí Oxy trung tâm	13.047.174	13.047.174	12.330.962	716.212	12.238.139	12.954.351	12.238.139	716.212	12.954.351	12.238.139	716.212
1.2	Mua sắm máy chạy thận nhân tạo	1.845.000	1.845.000			1.845.000	1.845.000			1.845.000		
2	Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy											
	Mua sắm, lắp đặt bổ sung hệ thống khí Oxy trung tâm	6.500.000	6.500.000	6.282.631	217.369	6.237.797	6.452.854	6.237.797	215.057	6.452.854	6.237.797	215.057
3	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc											
	Mua sắm, lắp đặt bổ sung hệ thống khí Oxy trung tâm	6.249.490	6.249.490	6.037.025	212.465	5.998.787	6.211.054	5.998.787	212.267	6.211.054	5.998.787	212.267
4	Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn											
	Mua sắm, lắp đặt bổ sung hệ thống khí Oxy trung tâm	6.747.997	6.747.997	6.492.196	255.801	6.472.317	6.727.991	6.472.317	255.673	6.727.991	6.472.317	255.673
5	Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi											
	Mua sắm, lắp đặt bổ sung hệ thống khí Oxy trung tâm	6.748.118	6.748.118	6.493.319	254.799	6.493.319			174.995			174.995
6	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu											
6.1	Sửa chữa thay thế hệ thống thu nhận hình ảnh mặt phẳng máy XQ kỹ thuật số Shimadzu	495.000	482.435	482.435		480.000	480.000	480.000		480.000	480.000	
6.2	Sửa chữa máy chụp cắt lớp CT	1.021.665	1.005.000	1.005.000		994.000	994.000	994.000		994.000	994.000	

THANH TRA TỈNH

BIỂU TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG CỦA CÁC CÔNG TRÌNH DO SỞ Y TẾ VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ
LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 49 /KL-TTr ngày 10 / 02/2025 của Thanh tra tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị: 1.000đồng

Stt	Tên công trình/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng dự toán được duyệt							Giá trị hợp đồng					
			Tổng	Chi phí xây lắp	Chi phí thiết bị	Chi phí QLDA	Chi phí tư vấn xây dựng	Chi phí khác	Dự phòng	Tổng	Chi phí xây lắp	Chi phí thiết bị	Chi phí QLDA	Chi phí tư vấn xây dựng	Chi phí khác
I	Trung tâm y tế thành phố	2,000,000	2,000,000	1,733,272	0	59,728	195,220	11,780	0	1,954,132	1,692,332	0	58,642	191,378	11,780
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà khám và điều trị; nhà khoa Dược; hạng mục phụ trợ của Trạm y tế xã Quang Tiến thuộc Trung tâm y tế thành phố Hòa Bình	1,000,000	1,000,000	866,459	0	29,858	97,793	5,890	0	975,673	845,993	0	29,315	94,475	5,890
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà khám và điều trị; các hạng mục phụ trợ của Trạm y tế phường Kỳ Sơn thuộc Trung tâm y tế thành phố Hòa Bình	1,000,000	1,000,000	866,813	0	29,870	97,427	5,890	0	978,460	846,339	0	29,327	96,904	5,890
II	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	3,557,840	3,557,840	3,081,027	0	104,017	341,259	31,537	0	3,446,936	3,002,769	0	102,791	340,136	1,240
1	Bảo dưỡng, sửa chữa nhà khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng, nhà khoa Lây, nhà khu giặt là cho Trung tâm Y tế huyện Mai Châu.	1,497,840	1,497,840	1,302,509	0	42,729	140,527	12,075	-	1,446,001	1,261,506		42,729	140,526	1,240
2	Bảo dưỡng, sửa chữa nhà khoa TMH-RHM-Mắt, nhà khoa Nội Trung tâm y tế huyện Mai Châu; Công trình Bảo dưỡng, sửa chữa nhà trạm y tế 2 tầng, các hạng mục phụ trợ TYT thị trấn Mai Châu thuộc TTYT huyện Mai Châu	2,060,000	2,060,000	1,778,518	-	61,288	200,732	19,462	0	2,000,935	1,741,263		60,062	199,610	0
III	Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc	7,890,000	7,890,000	6,962,998	0	219,996	643,250	63,756	0	7,880,864	6,953,862	0	219,996	643,250	63,756
1	Sửa chữa, cải tạo nhà tang lễ đại thể, khối nhà Dự phòng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm y tế huyện Đà Bắc	5,890,000	5,890,000	5,227,986		160,208	454,795	47,011		5,880,864	5,218,850	0	160,208	454,795	47,011
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Khu nhà xét nghiệm; nhà bảo vệ; Cổng; Hạng mục phụ trợ của Trung tâm y tế huyện Đà Bắc	2,000,000	2,000,000	1,735,012		59,788	188,455	16,745		2,000,000	1,735,012	0	59,788	188,455	16,745
IV	Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn	4,000,000	4,000,000	3,550,269	0	122,342	295,761	31,628	0	3,969,314	3,545,202	0	122,342	280,424	21,346
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà điện quang, nhà hồi sức cấp cứu, rãnh thoát nước TTYT huyện Lạc Sơn	4,000,000	4,000,000	3,550,269	-	122,342	295,761	31,628	-	3,969,314	3,545,202	-	122,342	280,424	21,346
V	Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	4,000,000	4,000,000	3,506,428	0	111,262	344,498	37,812	0	3,938,677	3,486,055	0	109,776	342,846	0
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	2,000,000	2,000,000	1,743,353		60,115	178,376	18,156		1,963,142	1,726,859		59,559	176,724	

2	Bảo dưỡng, sửa chữa sân, đường nội bộ, nhà để xe, các hạng mục phụ trợ của Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	2,000,000	2,000,000	1,763,075		51,147	166,122	19,656		1,975,535	1,759,196		50,217	166,122	
VI	Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy	4,000,000	4,000,000	3,422,895	-	117,954	401,026	32,560	25,565	3,902,536	3,388,545	-	117,069	394,637	2,285
1	Bảo dưỡng, sửa chữa nhà kỹ thuật nghiệp vụ và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy	1,500,000	1,500,000	1,279,769	-	44,101	134,730	15,835	25,565	1,459,379	1,278,264	-	44,101	134,729	2,285
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà khoa Dược - Vật tư - Trang thiết bị y tế, khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, một số phòng của phòng Kế hoạch nghiệp vụ (khu nhà A); Nhà khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản (C); Sân đường của Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy	1,500,000	1,500,000	1,283,504	-	44,230	161,431	10,835	-	1,449,047	1,250,659	-	43,345	155,043	
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà trạm điều trị và làm việc; Nhà vệ sinh; Nhà bếp; Hạng mục phụ trợ của Trạm y tế xã Yên Bồng	1,000,000	1,000,000	859,622		29,623	104,865	5,890	-	994,110	859,622	-	29,623	104,865	
VII	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc	3,500,000	3,500,000	3,056,745	-	105,335	308,494	29,426	-	3,419,243	3,005,253	-	103,824	306,882	3,284
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà kỹ thuật nghiệp vụ TTYT huyện Tân Lạc (năm 2022)	1,000,000	1,000,000	864,752		29,799	96,694	8,755		992,300	864,752		29,799	96,694	1,055
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà cận lâm sàng- Điều hành; Nhà HSCC- Mổ; Khu để xe bệnh nhân TTYT huyện Tân Lạc (năm 2023)	2,500,000	2,500,000	2,191,993		75,536	211,800	20,671		2,426,943	2,140,501		74,025	210,188	2,229
VIII	Cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1,499,999	1,499,999	1,299,352	0	78,948	111,432	10,267	0	1,465,185	1,275,688	0	44,177	145,035	285
1	Bảo dưỡng, sửa chữa nhà làm việc Chi cục ATVS thực phẩm năm 2022	499,999	499,999	431,697		49,049	14,876	4,377		495,717	431,697		14,876	49,049	95
2	Bảo dưỡng, sửa chữa khối nhà làm việc 3 tầng, nhà lưu mẫu, nhà bảo vệ, các hạng mục phụ trợ Chi cục ATVS thực phẩm năm 2023	1,000,000	1,000,000	867,655		29,899	96,556	5,890		969,468	843,991		29,301	95,986	190
IX	Trung tâm y tế huyện Lương Sơn	6,000,000	6,000,000	5,295,530	0	182,484	476,486	45,500	0	5,929,675	5,267,848	0	182,484	472,907	6,436
1	Công trình, sửa chữa Nhà khoa Nội, Nhi, Lây, Nhà khoa Dược, Nhà khoa Khám Bệnh, nhà khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản TTYT huyện Lương Sơn	6,000,000	6,000,000	5,295,530		182,484	476,486	45,500		5,929,675	5,267,848		182,484	472,907	6,436
X	Bệnh viện Y học cổ truyền	2,500,000	2,500,000	2,187,228	0	75,372	218,044	19,356	0	2,365,801	2,083,979	0	72,318	207,430	2,074
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống phòng cháy chữa cháy của Bệnh viện Y học cổ truyền	2,500,000	2,500,000	2,187,228		75,372	218,044	19,356		2,365,801	2,083,979		72,318	207,430	2,074
XI	Bệnh viện tỉnh	15,496,000	15,496,000	13,114,132	0	441,559	1,139,949	175,237	625,123	14,529,709	12,919,536	0	437,444	1,136,023	36,706
1	Bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình	1,000,000	1,000,000	881,360		22,498	89,354	6,788		1,000,000	881,360		22,498	89,354	6,788
2	Cải tạo nâng cấp nhà xe kết hợp nhà dịch vụ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình	1,000,000	1,000,000	877,242		29,680	86,143	6,935		1,000,000	877,242		29,680	86,143	6,935
3	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cấp điện của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình	13,496,000	13,496,000	11,355,530		389,381	964,452	161,514	625,123	12,529,709	11,160,934		385,266	960,526	22,983
XII	Sở Y tế	59,122,000	59,121,000	44,474,383	4,847,302	1,450,821	4,195,339	770,092	3,383,063	48,860,710	43,655,615	-	1,228,976	3,863,837	112,282
1	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Vầy Nua, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	1,540,000	1,540,000	1,246,094		42,940	156,205	16,856	77,905	1,399,858	1,220,341		41,236	128,568	9,713
2	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Mường Chiềng, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	1,100,000	1,100,000	882,419		30,408	118,465	13,461	55,247	1,003,611	864,817		29,455	108,248	1,091
3	Xây dựng trạm Y tế xã Vũ Bình, huyện Lạc Sơn	4,620,000	4,620,000	3,856,634		132,900	451,722	40,689	138,055	4,240,859	3,706,376		102,117	427,631	4,735

4	Xây dựng Trạm Y tế xã Mỹ Hòa, huyện Tân Lạc	4,620,000	4,620,000	3,889,265		134,802	454,658	39,638	101,637	4,313,345	3,771,185		105,251	432,141	4,768
5	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, tỉnh Hòa Bình	40,000,000	39,999,000	28,330,489	4,847,302	934,618	2,566,759	608,968	2,710,864	31,182,624	27,951,630		780,648	2,380,576	69,770
6	Xây dựng mới trạm y tế xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn	6,092,000	6,092,000	5,270,883		140,741	337,315	43,706	299,355	5,672,659	5,160,824		135,920	353,710	22,205
7	Công trình sửa chữa nhà làm việc Sở Y tế	1,150,000	1,150,000	998,599		34,412	110,215	6,774		1,047,754	980,442		34,349	32,963	0
	Tổng	113,565,839	113,564,839	91,684,259	4,847,302	3,069,818	8,670,758	1,258,951	4,033,751	101,662,782	90,276,684	-	2,799,839	8,324,786	261,474

THANH TRA TỈNH

UBND TỈNH HÒA BÌNH
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIỂU TỔNG HỢP GIÁ TRỊ NGHIỆM THU, GIÁ TRỊ THANH TOÁN CỦA CÁC CÔNG TRÌNH DO SỞ Y TẾ VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 49 /KL-TTr ngày 10 / 02/2025 của Thanh tra tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị tính: 1000đ

Stt	Tên công trình/Chủ đầu tư	Giá trị Nghiệm thu					Giá trị Thanh toán					Ghi chú
		Tổng	Chi phí xây lắp	Chi phí QLDA	Chi phí tư vấn xây dựng	Chi phí khác	Tổng	Chi phí xây lắp	Chi phí QLDA	Chi phí tư vấn xây dựng	Chi phí khác	
I	Trung tâm y tế thành phố	1,954,132	1,692,332	58,642	191,378	11,780	1,954,132	1,692,332	58,642	191,378	11,780	
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà khám và điều trị; nhà khoa Dược; hạng mục phụ trợ của Trạm y tế xã Quang Tiến thuộc Trung tâm y tế thành phố Hòa Bình	975,673	845,993	29,315	94,475	5,890	975,673	845,993	29,315	94,475	5,890	
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà khám và điều trị; các hạng mục phụ trợ của Trạm y tế phường Kỳ Sơn thuộc Trung tâm y tế thành phố Hòa Bình	978,460	846,339	29,327	96,904	5,890	978,460	846,339	29,327	96,904	5,890	
II	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	3,446,936	3,002,769	102,791	340,136	1,240	3,446,936	3,002,769	102,791	340,136	1,240	
1	Bảo dưỡng, sửa chữa nhà khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng, nhà khoa Lây, nhà khu giặt là cho Trung tâm Y tế huyện Mai Châu.	1,446,001	1.261.506	42,729	140,526	1,240	1,446,001	1,261,506	42,729	140,526	1,240	
2	Bảo dưỡng, sửa chữa nhà khoa TMH-RHM-Mắt, nhà khoa Nội Trung tâm y tế huyện Mai Châu; Công trình Bảo dưỡng, sửa chữa nhà trạm y tế 2 tầng, các hạng mục phụ trợ TYT thị trấn Mai Châu thuộc TTYT huyện Mai Châu	2,000,935	1,741,263	60,062	199,610		2,000,935	1,741,263	60,062	199,610		
III	Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc	7,784,069	6,874,896	218,800	641,974	48,399	7,784,069	6,874,896	218,800	641,974	48,399	
1	Sửa chữa, cải tạo nhà tang lễ đại thể, khối nhà Dự phòng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm y tế huyện Đà Bắc	5,835,511	5,173,497	160,208	454,795	47,011	5,835,511	5,173,497	160,208	454,795	47,011	

2	Bảo dưỡng, sửa chữa Khu nhà xét nghiệm; nhà bảo vệ; Cổng; Hàng mục phụ trợ của Trung tâm y tế huyện Đà Bắc	1,948,558	1,701,399	58,592	187,179	1,388	1,948,558	1,701,399	58,592	187,179	1,388
IV	Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn	3,900,231	3,480,744	120,117	278,303	21,067	3,900,231	3,480,744	120,117	278,303	21,067
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà điện quang, nhà hồi sức cấp cứu, rãnh thoát nước TTYT huyện Lạc Sơn	3,900,231	3,480,744	120,117	278,303	21,067	3,900,231	3,480,744	120,117	278,303	21,067
V	Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	3,656,396	3,230,487	102,362	323,547	0	3,656,396	3,230,487	102,362	323,547	0
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	1,963,142	1,726,859	59,559	176,724		1,963,142	1,726,859	59,559	176,724	0
2	Bảo dưỡng, sửa chữa sân, đường nội bộ, nhà để xe, các hạng mục phụ trợ của Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	1,693,254	1,503,628	42,803	146,823		1,693,254	1,503,628	42,803	146,823	0
VI	Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy	3,902,536	3,388,545	117,069	394,637	2,285	3,902,536	3,388,545	117,069	394,637	2,285
1	Bảo dưỡng, sửa chữa nhà kỹ thuật nghiệp vụ và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy	1,459,379	1,278,264	44,101	134,729	2,285	1,459,379	1,278,264	44,101	134,729	2,285
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà khoa Dược - Vật tư - Trang thiết bị y tế, khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, một số phòng của phòng Kế hoạch nghiệp vụ (khu nhà A); Nhà khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản (C); Sân đường của Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy	1,449,047	1,250,659	43,345	155,043	-	1,449,047	1,250,659	43,345	155,043	0
3	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà trạm điều trị và làm việc; Nhà vệ sinh; Nhà bếp; Hàng mục phụ trợ của Trạm y tế xã Yên Bông	994,110	859,622	29,623	104,865		994,110	859,622	29,623	104,865	
VII	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc	3,419,243	3,005,253	103,824	306,882	3,284	3,419,243	3,005,253	103,824	306,882	3,284
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà kỹ thuật nghiệp vụ TTYT huyện Tân Lạc (năm 2022)	992,300	864,752	29,799	96,694	1,055	992,300	864,752	29,799	96,694	1,055
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà cận lâm sàng- Điều hành; Nhà HSCC- Mô; Khu để xe bệnh nhân TTYT huyện Tân Lạc (năm 2023)	2,426,943	2,140,501	74,025	210,188	2,229	2,426,943	2,140,501	74,025	210,188	2,229
VIII	Cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1,465,185	1,275,688	44,177	145,035	285	1,465,185	1,275,688	44,177	145,035	285
1	Bảo dưỡng, sửa chữa nhà làm việc Chi cục ATVS thực phẩm năm 2022	495,717	431,697	14,876	49,049	95	495,717	431,697	14,876	49,049	95
2	Bảo dưỡng, sửa chữa khối nhà làm việc 3 tầng, nhà lưu m.ẫu, nhà bảo vệ, các hạng mục phụ trợ Chi cục ATVS thực phẩm năm 2023	969,468	843,991	29,301	95,986	190	969,468	843,991	29,301	95,986	190
IX	Trung tâm y tế huyện Lương Sơn	5,830,578	5,172,069	179,166	472,907	6,436	5,830,578	5,172,069	179,166	472,907	6,436
1	Công trình, sửa chữa Nhà khoa Nội, Nhi, Lây, Nhà khoa Dược, Nhà khoa Khám Bệnh, nhà khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản TTYT huyện Lương Sơn	5,830,578	5,172,069	179,166	472,907	6,436	5,830,578	5,172,069	179,166	472,907	6,436
X	Bệnh viện Y học cổ truyền	2,365,801	2,083,979	72,318	207,430	2,074	2,365,801	2,083,979	72,318	207,430	2,074

1	Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống phòng cháy chữa cháy của Bệnh viện Y học cổ truyền	2,365,801	2,083,979	72,318	207,430	2,074	2,365,801	2,083,979	72,318	207,430	2,074	
XI	Bệnh viện tỉnh	14,295,264	12,709,319	430,186	1,119,053	36,706	14,295,264	12,709,319	430,186	1,119,053	36,706	
1	Bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình	1,000,000	881,360	22,498	89,354	6,788	1,000,000	881,360	22,498	89,354	6,788	
2	Cải tạo nâng cấp nhà xe kết hợp nhà dịch vụ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình	1,000,000	877,242	29,680	86,143	6,935	1,000,000	877,242	29,680	86,143	6,935	
3	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cấp điện của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình	12,295,264	10,950,717	378,008	943,556	22,983	12,295,264	10,950,717	378,008	943,556	22,983	
XII	Sở Y tế	38,765,603	34,149,739	978,083	3,525,499	112,282	36,705,721	34,149,739	968,451	1,483,261	104,270	
1	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Vây Nưa, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	1,399,858	1,220,341	41,236	128,568	9,713	1,391,846	1,220,341	41,236	128,568	1,701	
2	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Mường Chiềng, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	1,003,611	864,817	29,455	108,248	1,091	1,003,611	864,817	29,455	108,248	1,091	
3	Xây dựng trạm Y tế xã Vũ Bình, huyện Lạc Sơn	4,240,859	3,706,376	102,117	427,631	4,735	4,240,859	3,706,376	102,117	427,631	4,735	
4	Xây dựng Trạm Y tế xã Mỹ Hòa, huyện Tân Lạc	4,313,345	3,771,185	105,251	432,141	4,768	4,313,345	3,771,185	105,251	432,141	4,768	
5	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, tỉnh Hòa Bình	21,087,517	18,445,754	529,755	2,042,238	69,770	19,035,647	18,445,754	520,123		69,770	
6	Xây dựng mới trạm y tế xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn	5,672,659	5,160,824	135,920	353,710	22,205	5,672,659	5,160,824	135,920	353,710	22,205	
7	Cải tạo nhà làm việc Sở Y tế	1,047,754	980,442	34,349	32,963		1,047,754	980,442	34,349	32,963		
	Tổng	90,785,974	80,065,820	2,527,535	7,946,781	245,838	88,726,092	80,065,820	2,517,903	5,904,543	237,826	

THANH TRA TỈNH

**TỔNG HỢP CÁC ĐƠN VỊ CHI MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ SAI QUY ĐỊNH TRONG NĂM 2022-2023,
THANH TRA TỈNH KIẾN NGHỊ THU HỒI NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**
(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 49/KL-TTr ngày 10/02/2025 của Thanh tra tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên đơn vị	Diễn giải nội dung chi sai quy định	Số tiền
1	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc	Năm 2023, chi thanh toán tiền may trang phục y tế vượt số lượng định mức	4,600,000
2	Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn	Năm 2023, chi mua văn phòng phẩm cho khối điều trị sử dụng từ nguồn kinh phí NSNN cấp cho khối dự phòng	3,100,000
3	Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc	Năm 2023, chi hỗ trợ kinh phí học phí, thuê phòng nghỉ, đi lại cho viên chức thuộc khối điều trị đi tập huấn từ nguồn kinh phí NSNN cấp cho khối dự phòng chưa đúng Quyết định số 388A/QĐ-TTYT ngày 23/8/2023 của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc	4,993,000
4	Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn	Năm 2022, chi thuê xe ô tô đưa đón cán bộ Trạm y tế xã về Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn dự kỷ niệm ngày thầy thuốc Việt Nam	5,000,000
5	Trung tâm Y tế thành phố HB	Chi sai nguồn kinh phí:	15,918,000
		Năm 2022, chi từ nguồn thu sự nghiệp trong năm để chi bổ sung thu nhập tăng thêm của năm 2021 cho 03 viên chức	3,018,000
		Năm 2022, chi may trang phục y tế cho cán bộ y tế dự phòng từ nguồn thu sự nghiệp của khối điều trị	12,900,000
6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	Chi tiền khoán văn phòng phẩm đối với dịch vụ khám sức khỏe ngoài giờ, chưa được xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ	13,773,000
7	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	Năm 2023, chi sai nguồn kinh phí; chi tiền mua mực in cho khối điều trị sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp của khối dự phòng	10,670,000

8	Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy	Năm 2022, chi hỗ trợ học phí cho kế toán trường học thạc sĩ quản lý kinh tế không có quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền; chưa có Biên bản thống nhất của Ban Giám đốc, chưa có bản cam kết cá nhân theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ	11,000,000
9	Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	Năm 2022, chi mua ti vi từ nguồn kinh phí thu sự nghiệp để hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã Kim Lập	15,900,000
Tổng cộng			84,954,000

THANH TRA TỈNH

3	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà trạm điều trị và làm việc; Nhà vệ sinh; Nhà bếp; Hàng mục phụ trợ của Trạm y tế xã Yên Bồng	15,156,000	13,107,000		497,000	1,078,000	474,000	15,156,000	13,107,000		497,000		1,078,000		474,000	
VII Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc																
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà kỹ thuật nghiệp vụ TTYT huyện Tân Lạc (năm 2022)	9,270,000	8,116,000		280,000	607,000	267,000	9,270,000	8,116,000		280,000		607,000		267,000	
2	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà cận lâm sàng- Điều hành; Nhà HSCC- Mổ; Khu để xe bệnh nhân TTYT huyện Tân Lạc (năm 2023)	15,327,000	13,644,000		470,000	765,000	448,000	15,327,000	13,644,000		470,000		765,000		448,000	
VIII Cục An toàn vệ sinh thực phẩm																
1	Bảo dưỡng, sửa chữa nhà làm việc Chi cục ATVS thực phẩm năm 2022	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0	0	-
2	Bảo dưỡng, sửa chữa khoi nhà làm việc 3 tầng, nhà lưu mẫu, nhà bảo vệ, các hạng mục phụ trợ Chi cục ATVS thực phẩm năm 2023	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0	0	-
IX Trung tâm y tế huyện Lương Sơn																
1	Công trình, sửa chữa Nhà khoa Nội, Nhi, Lây, Nhà khoa Dược, Nhà khoa Khám Bệnh, nhà khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản TTYT huyện Lương Sơn	37,597,000	18,481,000	15,550,000	1,290,000	1,046,000	1,230,000	37,597,000	34,031,000		1,290,000		1,046,000		1,230,000	
X Bệnh viện Y học cổ truyền																
1	Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống phòng cháy chữa cháy của Bệnh viện Y học cổ truyền	11,891,000		11,141,000	384,000		366,000	11,891,000	11,141,000		384,000		0		366,000	
XI Bệnh viện tỉnh																
1	Bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình	16,093,000	14,201,000		391,000	997,000	504,000	16,093,000	14,201,000		391,000		997,000		504,000	
2	Cải tạo nâng cấp nhà xe kết hợp nhà dịch vụ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0	0	-
3	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cấp điện của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình	57,285,000	50,123,000		1,865,000	3,519,000	1,778,000	57,285,000	50,123,000		1,865,000		3,519,000		1,778,000	
XII Sở Y tế																
1	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Vỹ Nưa, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	3,172,000	2,773,000		96,000	212,000	91,000	3,172,000	2,773,000		96,000		212,000		91,000	
2	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Mường Chiêng, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	11,201,000	9,780,000		337,000	763,000	321,000	11,201,000	9,780,000		337,000		763,000		321,000	
3	Xây dựng trạm Y tế xã Vũ Bình, huyện Lạc Sơn	7,558,000	6,786,000		234,000	315,000	223,000	7,558,000	6,786,000		234,000		315,000		223,000	
4	Xây dựng Trạm Y tế xã Mỹ Hòa, huyện Tân Lạc	7,454,000	6,692,000		232,000	310,000	220,000	7,454,000	6,692,000		232,000		310,000		220,000	
5	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, tỉnh Hòa Bình	166,939,000	143,257,000	11,535,000	4,360,000	3,495,000	4,292,000	166,939,000		154,792,000		4,360,000		3,495,000		4,292,000
6	Xây dựng mới trạm y tế xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn	29,132,000	27,585,000		510,000	577,000	460,000	29,132,000	27,585,000		510,000		577,000		460,000	
Cộng		707,340,000	532,602,000	107,621,000	21,190,000	25,551,000	20,376,000	707,340,000	485,431,000	154,792,000	16,830,000	4,360,000	22,056,000	3,495,000	16,084,000	4,292,000

THANH TRA TỈNH

UBND TỈNH HÒA BÌNH
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 49 /KL-TTr ngày 10 / 02/2025 của Thanh tra tỉnh)

TT	Tên tổ chức/cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
	Tổ chức					
1	Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình	x			
2	Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình	x			
3	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm hóa chất, vật tư y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
4	Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm trang thiết bị y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
5	Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm trang thiết bị y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
6	Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm trang thiết bị y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
7	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm trang thiết bị y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
8	Bệnh viện Y học cổ truyền	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
9	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm hóa chất, vật tư, trang thiết bị y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
10	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trong việc mở lớp tập huấn chương trình dự án không trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	x			
11	Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình	Trong việc thực hiện quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
12	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Trong việc thực hiện quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
13	Sở Y tế	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm thuốc, trang thiết bị y tế; mở lớp tập huấn chương trình dự án không trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	x			
	Cá nhân					

1	Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn - Ông Hoàng Văn Kứ, nguyên Giám đốc (nay đã nghỉ hưu) - Bà Hoàng Thị Bảy, nguyên kế toán trưởng (nay giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Tài chính - Kế hoạch)	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
2	Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc - Ông Trần Hồng Quân, nguyên Giám đốc (nay giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình) - Bà Nguyễn Thị Duyên, nguyên kế toán trưởng (nay giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Tài chính - Kế hoạch)	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
3	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu - Ông Hà Công Thắng, Giám đốc - Bà Hoàng Thị Hồng, Kế toán trưởng	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm hóa chất, vật tư y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
4	Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy - Ông Nguyễn Văn Đăng, Giám đốc - Ông Vũ Đức Minh, nguyên kế toán trưởng (nay giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Tài chính - Kế hoạch)	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm trang thiết bị y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
5	Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi - Ông Dương Hải Thành, Giám đốc - Ông Hoàng Việt Khánh, nguyên Kế toán trưởng (nay làm kế toán Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh)	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm trang thiết bị y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
6	Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn - Ông Bùi Văn Vành, nguyên Giám đốc (nay đã nghỉ hưu) - Ông Nguyễn Văn Bảy, nguyên kế toán trưởng (nay nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính và Tài chính - Kế hoạch)	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm trang thiết bị y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
7	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc					

	- Ông Trần Quốc Mạnh, Giám đốc - Ông Bùi Trọng Hòa, nguyên Kế toán trưởng (nay làm kế toán Sở Y tế)	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm trang thiết bị y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
8	Bệnh viện Y học cổ truyền					
	- Ông Sầm Hữu Hào, Giám đốc - Bà Nguyễn Thị Hoa, nguyên kế toán trưởng (nay giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Tài chính - Kế hoạch)	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
9	Bệnh viện Đa khoa tỉnh					
	- Ông Nguyễn Hoàng Diệu, Giám đốc. - Bà Giang Thị Thu Thủy, Trưởng khoa dược. - Bà Bùi Thị Thương Thúy, nguyên kế toán trưởng (nay giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính). - Ông Nguyễn Ngọc Anh Sơn, Phó Trưởng phòng hành chính quản trị.	Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; mua sắm trang thiết bị y tế; quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
10	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh					
	- Ông Kiều Đình Vi, nguyên Giám đốc (nay giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Giám định Y khoa) - Bà Bùi Thị Thương Thúy, nguyên kế toán trưởng (nay giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính)	Trong việc mở lớp tập huấn chương trình dự án không trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	x			
11	Trung tâm Y tế thành phố Hòa Bình					
	- Ông Phạm Kỳ Sơn, nguyên Giám đốc (nay đã nghỉ hưu) - Ông Đỗ Văn Trung, nguyên Kế toán trưởng (nay Kế toán trưởng Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình)	Trong việc thực hiện quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
12	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm					
	- Bà Bùi Đình Thị Dinh, Chi cục trưởng - Ông Nguyễn Trí Cao, nguyên Phụ trách kế toán (nay Phụ trách kế toán Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình tỉnh)	Trong việc thực hiện quản lý, sử dụng tài chính ngân sách	x			
13	Sở Y tế					

<ul style="list-style-type: none"> - Ông Trần Minh Đức, chuyên viên phòng Nghiệp vụ Y; - Bà Nguyễn Thị Thu Hà, chuyên viên phòng Tổ chức - Hành chính 	<p>Trong việc tổ chức mở lớp tập huấn Chương trình, dự án 03 ngày không trình cấp có thẩm quyền phê duyệt</p>	x			
<ul style="list-style-type: none"> - Ông Nguyễn Hà Thanh, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính. - Bà Đinh Thị Thu Hiền, Phó phòng Tổ chức – Hành chính. - Ông Phạm Ngọc Hoàng, Chuyên viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính 	<p>Trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình; việc xét duyệt quyết toán tài chính, ngân sách chưa phát hiện một số đơn vị chi sai quy định</p>	x			

THANH TRA TỈNH

UBND TỈNH HÒA BÌNH
THANH TRA TỈNHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcTỔNG HỢP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT
HOẶC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 49 /KL-TTr ngày 10 / 02/2025 của Thanh tra tỉnh Hòa Bình)

STT	Nội dung kiến nghị	Thông tin về Văn bản kiến nghị hoàn thiện			Ghi chú
		Văn bản số	Ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	
I	KIẾN NGHỊ BÃI BỎ	Không có			
II	KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Không có			
III	KIẾN NGHỊ BAN HÀNH MỚI	Không có			

THANH TRA TỈNH